

Bản án số: 270/2024/DS-PT

Ngày 16 – 7 – 2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Trung

Ông Ninh Quang Thế

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà

Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuý Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 174/2024/TLPT-DS ngày 20 tháng 6 năm 2024 về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 91/2024/DS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 148/2024/QĐ-PT ngày 24 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Diệu T, sinh năm 1970 (Vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Số F, đường C, khóm G, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà T: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1975; địa chỉ cư trú: Khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Tạ Thành L, sinh năm 1981 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: Khóm F, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông L: Ông Nguyễn Đông D, sinh năm 1978; Địa chỉ cư trú: Số D, đường N, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Lưu Ngọc D1 (Vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Khóm F, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Ông Tạ Thành L, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện của bà Trương Diệu T và trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Thanh H trình bày:*

Vào ngày 15/7/2022 dương lịch, bà T có cho ông Tạ Thành L và bà Lưu Ngọc D1 mượn số tiền 1.000.000.000 đồng, hai bên có làm biên nhận, ông L và bà D1 cam kết khi thanh toán tiền Mặt trận sẽ trả cho bà T 500.000.000 đồng và trả phần còn lại khi ứng được tiền. Tuy biên nhận ghi tiền mượn, nhưng thực chất là cho vay, lãi suất thoả thuận 3%/tháng. Từ ngày làm biên nhận đến nay ông L, bà D1 có trả được 75.000.000 đồng tiền lãi. Bà T liên lạc nhiều lần nhưng ông L, bà D1 không tiếp tục trả. Nay bà T khởi kiện yêu cầu ông L, bà D1 trả số tiền gốc là 1.000.000.000 đồng và lãi tính từ ngày 15/7/2022 đến ngày 30/4/2024 là 21 tháng 15 ngày, theo mức lãi suất 1,66%/tháng, số tiền là 356.900.000 đồng; trừ với số tiền đã trả 75.000.000 đồng, số tiền lãi còn lại là 281.900.000 đồng. Tổng số tiền bà T yêu cầu ông L, bà D1 trả là 1.281.900.000 đồng.

- *Theo ông Tạ Thành L trình bày:*

Trước đây (không nhớ rõ thời gian), ông L làm đại diện Công ty Trách nhiệm hữu hạn N, có đứng ra giao dịch vay tiền của bà T nhiều lần, tổng số tiền là 2.000.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 4%/tháng. Ông L có trả cho bà T nhiều lần, số tiền còn lại là 1.000.000.000 đồng. Các lần vay đều có ghi biên nhận do bà T giữ, khi ông L trả tiền bà T không có làm biên nhận. Đến ngày 15/7/2022 dương lịch, bà T kêu ông L làm Biên nhận mượn số tiền 1.000.000.000 đồng và cam kết trả như bà T trình bày và thể hiện tại Biên nhận ngày 15/7/2022, nhưng bà T không có đưa tiền mà số tiền này là thiếu trước đó và yêu cầu vợ chồng ông ký vào biên nhận. Do Công ty của ông làm ăn thua lỗ nên không trả nợ đúng như cam kết. Trước đó, ông có chuyển trả cho bà T nhiều lần tổng cộng số tiền là 290.000.000 đồng. Từ ngày 15/7/2022 đến nay ông có trả cho chị T số tiền 75.000.000 đồng. Do bà T kêu ghi biên nhận là mượn tiền nên ông không đồng ý trả lãi. Ông chỉ đồng ý trả vốn cho bà T số tiền 1.000.000.000 đồng, trừ 75.000.000 đồng đã trả, còn lại 925.000.000 đồng. Ông và bà Lưu Ngọc D1 hiện tại là vợ chồng, tuy nhiên đây là nợ riêng của ông, việc bà D1 ký vào biên nhận là do bà T yêu cầu phải ký. Nay ông đồng ý trả cho chị T số tiền là 925.000.000 đồng, không đồng ý bà D1 cùng liên đới trả nợ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 91/2024/DS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Diệu T. Buộc ông Tạ Thành L và bà Lưu Ngọc D1 thanh toán cho bà Trương Diệu T số tiền 1.281.900.000 đồng. Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 31/5/2024, ông Tạ Thành L có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận một yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc ông L trả tiền mượn

1.000.000.000 đồng, trừ số tiền đã trả 75.000.000 đồng, còn lại 925.000.000 đồng; không buộc ông L phải trả số tiền lãi 356.900.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Tạ Thành L giữ nguyên kháng cáo.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

Ông D phát biểu; Trước đó ông L có vay của bà T tổng số tiền 02 tỷ đồng, ông L đã trả còn nợ lại 1.000.000.000 đồng nên bà T kêu ông L ký biên nhận ngày 15/7/2022. Biên nhận ngày 15/7/2022 là tiền mượn, không phải là tiền vay và cam kết khi nhận được tiền của Mặt trận trả 500.000.000 đồng, còn lại trả từ từ. Do ông L chưa nhận được tiền của Mặt trận nên không vi phạm về thời hạn trả nợ, nên án sơ thẩm buộc ông L trả lãi là chưa có căn cứ. Theo bản sao kê Ngân hàng, số tiền ông L trả cho bà T không thể hiện trả lãi, mà số tiền ông L trả cho bà T là trả vốn. Như vậy số tiền ông L đã trả cho bà T 75.000.000 đồng, trừ vào số tiền nợ 1.000.000.000 đồng, còn lại 925.000.000 đồng. Do đó, yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bà T về việc tính lãi, chỉ buộc ông L trả cho bà T số tiền vốn còn lại là 925.000.000 đồng. Đối với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của ông L, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông L, yêu cầu xem xét bảo vệ quyền lợi của ông L.

Ông L không có ý kiến tranh luận.

Ông H phát biểu: Yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung, cấp sơ thẩm chưa làm rõ ông L đã nhận tiền Mặt trận hay chưa để xác định ông L có vi phạm nghĩa vụ trả nợ hay không. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử ngừng phiên tòa để làm rõ vấn đề trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của ông Tạ Thành L, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Việc ông L nợ bà Trương Diệu T số tiền 1.000.000.000 đồng là có thực tế, được ông L thừa nhận, phù hợp với biên nhận nợ do bà T cung cấp có trong hồ sơ. Tại Biên nhận ngày 15/7/2022 do bà T cung cấp có nội dung: *“Tôi: Tạ Thành L có mượn chị T số tiền 1.000.000.000 (Một tỷ đồng) tới thanh toán tiền Mặt trận sẽ trả chị 500.000.000 (Năm trăm triệu đồng). Em cam kết khi ứng được tiền sẽ trả chị, còn phần lại sẽ từ trả tiếp”*. Biên nhận có ký tên ông Tạ Thành L và bà Lưu Ngọc D1.

[2] Bà T cho rằng biên nhận ghi tiền mượn, nhưng thực chất là tiền vay, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng. Ông L cho rằng trước đây ông có vay tiền của bà T nhiều lần, số tiền 2.000.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 4%/tháng; ông có trả cho bà T còn nợ lại 1.000.000.000 đồng, nên đến ngày 15/7/2022 bà T kêu ông viết biên nhận mượn số tiền 1.000.000.000 đồng và cam kết trả như trong biên nhận.

Ông L cho rằng khoản tiền nợ bà T là tiền mượn chứ không phải là tiền vay, nên chỉ đồng ý trả vốn, không đồng ý trả lãi.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, phía bà T và ông L thống nhất xác định từ ngày 15/7/2022 đến nay ông L có thanh toán cho bà T số tiền bằng 75.000.000 đồng; phía bà T cho rằng số tiền ông L đã thanh toán 75.000.000 đồng là thanh toán tiền lãi, còn ông L cho rằng là thanh toán tiền vốn. Xét thấy, nếu ông L căn cứ vào biên nhận nợ ngày 15/7/2022 để cho rằng là tiền mượn, nhưng theo biên nhận có nội dung khi ông L nhận được tiền của Mặt trận thanh toán sẽ trả cho bà T 500.000.000 đồng; tại phiên tòa ông L xác định đến nay vẫn chưa nhận được tiền của Mặt trận thanh toán. Nếu chưa nhận được tiền của Mặt trận thanh toán mà ông L cho rằng trả vốn cho bà T 75.000.000 đồng trước thời hạn thoả thuận là không thuyết phục. Tại phiên tòa, ông L cung cấp bản sao kê của Ngân hàng về việc ông L chuyển tiền trả cho bà T số tiền 40.000.000 đồng (không có ghi trả lãi) để chứng minh số tiền ông L trả cho bà T là trả vốn; tuy nhiên, xét về thời gian ông L chuyển tiền trả cho bà T thấy rằng: Ngày 15/7/2022, ông L viết biên nhận nợ bà T, nhưng đến ngày 16/7/2022 (sau ngày viết biên nhận nợ 01 ngày) ông L chuyển trả cho bà T 4.000.000 đồng; đến ngày 22/7/2022 (sau ngày viết biên nhận nợ 07 ngày) ông L tiếp tục chuyển trả cho bà T số tiền 36.000.000 đồng; tổng 02 lần chuyển trả cho bà T số tiền là 40.000.000 đồng bằng số tiền lãi 01 tháng của số tiền vốn 1.000.000.000 đồng theo mức lãi suất 4%/tháng như ông L trình bày. Như vậy có đủ cơ sở xác định khoản tiền ông L nợ bà T 1.000.000.000 đồng theo biên nhận nợ ngày 15/7/2022 là tiền vay có lãi và khoản tiền ông L đã thanh toán cho bà T 75.000.000 đồng là tiền lãi chứ không phải là nợ tiền vay và trả vốn như ông L trình bày.

[4] Về mức lãi suất cho vay, bà T cho rằng mức lãi 3%/tháng, ông L cho rằng mức lãi 4%/tháng, xét thấy mức lãi suất mặc dù bà T và ông L trình bày không thống nhất nhau, nhưng đều cao hơn mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; do đó, cần phải điều chỉnh lại mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự là 20%/năm (tương đương 1,66%/tháng). Về thời gian tính lãi, bà T chỉ yêu cầu tính lãi thời gian từ ngày 15/7/2022 đến ngày 30/4/2024 là 21 tháng 15 ngày, nên số tiền lãi ông L phải thanh toán là: $1.000.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 21 \text{ tháng} 15 \text{ ngày} = 356.900.000 \text{ đồng}$; trừ số tiền lãi ông L đã thanh toán 75.000.000 đồng, còn lại 281.900.000 đồng. Tổng nợ gốc và lãi, án sơ thẩm buộc ông L phải thanh toán cho bà T bằng 1.281.900.000 là có căn cứ. Do đó, kháng cáo của ông L chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền bằng 925.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm thanh toán nợ đối với bà D1: Tại đơn kháng cáo ông L cho rằng khoản nợ của bà T là nợ riêng của ông L, không liên quan đến bà D1, yêu cầu không buộc bà D1 liên đới trả nợ. Xét thấy, tại biên nhận nợ ngày 15/7/2022 cả ông L và bà D1 cùng ký tên nhận nợ; thời điểm ký biên nhận nợ, ông L và bà T đang là vợ chồng với nhau nên phải cùng có trách nhiệm thanh toán nợ. Hơn nữa, khi thụ lý vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã có tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cho bà D1 biết về việc bà T khởi kiện yêu cầu ông L và bà D1 thanh toán nợ cho bà T, nhưng bà D1 cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà T; đồng

thời bản án sơ thẩm tuyên buộc bà D1 cũng với ông L thanh toán nợ cho bà T, nhưng bà D1 cũng không kháng cáo. Do đó việc ông L yêu cầu chỉ buộc ông L trả nợ cho bà T là không có cơ sở chấp nhận.

[6] Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, bà T có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong toả tài sản của ông Tạ Thành L. Toà án cấp phúc thẩm đã ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 03/2024/QĐ-BPKCTT ngày 26/6/2024, phong toả tài sản đối với quyền sử dụng đất của ông L. Đến nay, xét thấy căn cứ của việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không còn nên được huỷ bỏ. Bà T được nhận lại số tiền 256.380.000 đồng đã gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần C – Chi nhánh C1 theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số: 298/2024/QĐ-BPBD ngày 26/6/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau.

[7] Từ phân tích trên, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo ông Tạ Thành L, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Tạ Thành L phải chịu 300.000 đồng, đã dự nộp được chuyển thu.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Tạ Thành L.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 91/2024/DS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Diệu T.

Buộc ông Tạ Thành L và bà Lưu Ngọc D1 thanh toán cho bà Trương Diệu T số tiền là 1.281.900.000 đồng (trong đó: Nợ gốc 1.000.000.000 đồng, nợ lãi 281.900.000 đồng).

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng ông L và bà D1 còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Huỷ bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: 03/2024/QĐ-BPKCTT ngày 26/6/2024 về việc phong toả tài sản đối với quyền sử dụng đất của ông Tạ Thành L.

Bà Trương Diệu T được nhận lại số tiền: 256.380.000 đồng đã gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần C – Chi nhánh C1 theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số: 298/2024/QĐ-BPBD ngày 26/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Tạ Thành L và bà Lưu Ngọc D1 phải chịu 50.457.000 đồng. Bà Trương Diệu T không phải chịu án phí. Ngày 15/01/2024, bà T đã dự nộp 28.221.000 đồng theo biên lai thu số 0007939 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Tạ Thành L phải chịu 300.000 đồng. Ngày 06/06/2024, ông L đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008791 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được đối trừ chuyển thu án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lập